

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-09-2021

*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ và ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 94/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*) .

Địa chỉ: Thôn Xuân Lai, xã Xuân Hưng, huyện Thợ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T), sinh năm 1977 (*vắng mặt*) .

Nơi ĐKKHKT: Thôn Bạch Đằng, xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H trình bày như sau: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 10-01-2008 tại UBND xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh và có được gia đình chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị không biết trong giấy đăng ký kết hôn lại ghi là Phùng Văn T vì tên trong CMND là Phùng Đức T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với mẹ đẻ anh T được khoảng 1 tháng thì lại vào Thanh Hóa sinh sống. Anh chị ở nhà riêng bên cạnh nhà bố mẹ đẻ chị H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị nghi ngờ anh T

không chung thủy với chị, mặt khác anh T còn chơi lô đề cờ bạc không chăm lo gia đình, vợ con, đánh chửi chị nhiều lần. Anh T thường bỏ nhà đi vài ngày mới về, khi về bắt chị H đưa tiền, bắt chị H bán nhà đất lấy tiền trả nợ cờ bạc còn không được anh T lại đánh và chửi chị. Năm 2011 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan trong thời gian chị H ở Đài Loan anh T vẫn thường xuyên gọi điện bắt chị H gửi tiền về trả nợ, ở nhà anh T không đi làm thường xuyên có hành động và lời nói xúc phạm bố mẹ đẻ chị. Cuối năm 2013 chị H về nước, vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau. Nhưng anh T không thay đổi vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng. Bố mẹ đẻ chị ở bên cạnh anh T cấm chị sang chơi và không cho chị quan hệ đi lại thăm hỏi bố mẹ. Căng thẳng hơn nữa anh T đe dọa giết chị làm chị và gia đình vô cùng lo lắng và sợ hãi, đã có lần anh T ép chị uống thuốc tự tử. Do lo sợ tính mạng bị đe dọa chị H và con dọn về chung sống với bố mẹ đẻ chị từ đầu năm 2014, vợ chồng ly thân. Được một thời gian anh T bỏ đi, chị có nghe bạn anh T nói anh T đi làm ăn tại Miền Nam và sau lại về Chí Linh sống chung với mẹ đẻ. Thỉnh thoảng anh T có điện thoại cho bố mẹ đẻ chị nhưng cũng không nói địa chỉ cư trú của anh ở đâu. Còn bản thân chị từ khi anh T đe dọa giết chị, chị không liên lạc với anh T. Năm 2019 chị có tìm cách liên lạc với anh T để làm thủ tục ly hôn, anh T nói với chị đang ở Chí Linh, Hải Dương nhưng không đồng ý ly hôn và cũng không cho chị giấy tờ để làm thủ tục. Từ đó anh T lại tiếp tục nhắn tin chửi bới, đe dọa giết chị. Mâu thuẫn giữa anh chị, gia đình có hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn. Chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phùng Tuấn Minh, sinh ngày 21- 6 - 2008. Cháu từ nhỏ đã do chị chăm sóc nuôi dưỡng, hiện cháu phát triển khỏe mạnh học tập tốt. Nếu giải quyết ly hôn chị vẫn đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho anh T. Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn là anh T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Tập (là mẹ đẻ của anh T): Anh T và chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Huệ. Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống tại Thanh Hóa cùng bố mẹ đẻ chị H. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bà không biết. Bà biết việc anh T và chị H ly thân từ lâu hiện anh T không chung sống cùng chị H, cũng không về ở cùng bà mà bỏ nhà đi đâu bà không biết. Từ khi tòa án thụ lý vụ án bà có thông tin cho anh T biết và bà có hỏi nhưng anh T không cho biết địa chỉ nơi cư trú do vậy gia đình cũng không biết anh T đang cư trú tại đâu. Quan điểm của anh T

không đồng ý ly hôn với chị H do vậy bà không đồng ý tổng đạt hộ tòa án các văn bản tố tụng cho anh T.

Bản tự khai của ông Nguyễn Viết B và bà Nguyễn Thị Th (là bố mẹ đẻ chị H): Chị H và anh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Chí Linh, Hải Dương. Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống với nhau tại Chí Linh, Hải Dương được một thời gian ngắn thì chuyển về Thanh Hóa sinh sống. Vợ chồng anh chị ở riêng không chung sống cùng vợ chồng ông bà. Được khoảng vài năm vợ chồng sống hạnh phúc rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T không chung thủy với chị H. Vợ chồng vì thế cãi nhau và đánh nhau liên tục. Năm 2011 chị H đi xuất khẩu lao động, cuối năm 2013 chị H về nước. Trong thời gian này chị H và anh T vẫn liên tục mâu thuẫn về tiền và kinh tế. Đã nhiều lần anh T hỏi tiền vợ chồng ông bà vì anh cho rằng vợ chồng ông bà giữ tiền đi làm của chị H. Khi về nước vợ chồng lại ở với nhau. Nhưng lại tiếp tục mâu thuẫn, anh T vẫn chơi bời không chăm sóc con cái và vợ con. Chị H bị anh T đánh một vài lần và cấm không cho lên chơi nhà vợ chồng tôi. Năm 2014 anh T bỏ đi đâu không còn ở với chị H nữa. Mẹ con chị H dọn lên ở với vợ chồng ông bà từ đó cho đến nay. Vợ chồng ông bà chỉ thấy báo anh T về Chí Linh sinh sống. Vì chị H và anh T mâu thuẫn từ lâu không liên lạc nên chúng tôi cũng không biết tin tức gì của anh T. Từ năm bỏ đi anh T cũng không quay lại gặp vợ chồng ông bà do vậy cũng không có tin tức gì. Nay chị H xin ly hôn ông bà thấy anh chị không thể ở được với nhau mâu thuẫn từ nhiều năm nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh T. Về con chung: Con chung hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Cháu học tập và phát triển ổn định nhà. Vợ chồng ông bà cũng nhất trí với nguyện vọng của chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông bà là cán bộ về nghỉ hưu, thời gian và sức khỏe còn để hỗ trợ chị H chăm sóc con chung. Chúng tôi kính đề nghị tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Xác minh với cán bộ công chức tư pháp xã Nhân Huệ cung cấp: Tại quyển số 01 sổ lưu đăng ký kết hôn năm 2008, tại số 05 trang 32 thể hiện anh Phùng Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị H. Xác định tên Phùng Văn T và Phùng Đức T là 01 người.

Xác minh với trưởng thôn Bạch Đằng, xã Nhân Huệ cung cấp: Anh Phùng Văn T còn có tên khác là Phùng Đức T, sinh năm 1977 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bạch Đằng, Nhân Huệ. Năm 2008 anh T đăng ký kết hôn với chị H tại UBND xã Nhân Huệ, sau khi cưới một thời gian ngắn anh chị vào Thanh Hóa sinh sống. Quá trình chung sống và mâu thuẫn địa phương không biết. Hiện anh T cũng không có mặt tại địa phương, địa phương không biết anh T đang cư trú tại đâu. Anh T không có đăng ký tạm vắng tại địa phương và không có thông tin anh T đăng ký tạm trú tại nơi khác.

Tại công văn số 18194/QLXNC-P5 ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Phùng Văn T (Phùng Đức T).

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T); Về quan hệ con chung: Giao con chung chung Phùng Tuấn M, sinh ngày 21- 6 - 2008 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHÀN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T) có địa chỉ cư trú tại thôn Bạch Đằng, xã Nhân Huệ, Thành phố Chí Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T) kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T không quan tâm đến gia đình vợ con, chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng không còn tình yêu đối với nhau. Từ khi mâu thuẫn anh T bỏ nhà đi không liên lạc và hàn gắn tình cảm với chị H. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phùng Tuấn M, sinh ngày 21- 6 - 2008 từ nhỏ đã do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định. cháu Tuấn M sinh sống phát triển khỏe mạnh. Anh T hiện không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T).

Về con chung: Giao con chung Phùng Tuấn M, sinh ngày 21 -6-2008 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T) được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002876 ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Chí Linh.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn T (tên gọi khác Phùng Đức T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhân Huệ, TP. Chí Linh, tỉnh Hà Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng